

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA TRỤ SỞ CHÍNH**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 2 NĂM 2016 (NGÀY GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ**  
**DOANH NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA TRỤ SỞ CHÍNH**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 2 NĂM 2016 (NGÀY GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ**  
**DOANH NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp và Trụ sở chính	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	10

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

**THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP VÀ TRỤ SỞ CHÍNH**

**Giấy chứng nhận đăng ký  
doanh nghiệp**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0301120371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 7 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 6 ngày 1 tháng 2 năm 2016.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Văn Sơn	Chủ tịch
Ông Đào Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Nhân	Thành viên
Ông Đỗ Đình Dục	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Kiều Văn Chung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Mai	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Tuyền	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đào Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Dục	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Phú Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
(bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2016)	
Ông Phạm Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc
(từ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2016)	

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Phạm Văn Sơn	Chủ tịch
Ông Đào Anh Tuấn	Tổng Giám đốc

**Trụ sở chính**

Số 136 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA TRỤ SỞ CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn) (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính của Công ty (“Trụ sở chính”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2016 (ngày Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Trụ sở chính với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Trụ sở chính và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

**PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA TRỤ SỞ CHÍNH**

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính đính kèm từ trang 6 đến trang 35. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2016 (ngày Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này chỉ thể hiện tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của riêng Trụ sở chính. Công ty có 1 Trụ sở chính và 9 chi nhánh được trình bày trong Thuyết minh 1. Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các thay đổi trong tình hình tài chính của các chi nhánh không bao gồm trong báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2016 (ngày Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính nên đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2016 (ngày Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Đỗ Đình Dược  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 10 tháng 4 năm 2017



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Đường sắt Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn) (“Trụ sở chính”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 10 tháng 4 năm 2017. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2016 (ngày Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 35.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2016 (ngày Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh 2.11 của báo cáo tài chính riêng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Trụ sở chính chưa ghi nhận dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Đào Quang Huy  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1895-2016-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Lê Quang Đạo  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2845-2014-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6197  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2017

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>346.440.549.216</b>	<b>345.056.544.381</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	184.289.428.827	191.467.765.692
111	Tiền		184.289.428.827	191.467.765.692
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>159.456.625.739</b>	<b>126.002.807.990</b>
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4	20.772.210.373	7.351.428.891
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn	24(b)	77.617.491.012	21.154.140.726
136	Phải thu ngắn hạn khác	5	61.066.924.354	97.497.238.373
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.694.494.650</b>	<b>27.585.970.699</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		198.202.209	274.187.445
152	Thuế GTGT được khấu trừ		-	20.817.201.797
153	Thuế và các khoản khác phải thu ngân sách Nhà nước	10	2.496.292.441	6.494.581.457
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>434.001.005.068</b>	<b>427.725.097.951</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>411.809.192.155</b>	<b>413.926.864.370</b>
213	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	24(b)	397.733.809.825	411.357.618.892
214	Phải thu nội bộ dài hạn	24(b)	14.075.382.330	2.569.245.478
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>3.658.101.531</b>	<b>5.009.433.268</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	6(a)	3.534.841.308	4.755.695.991
222	Nguyên giá		11.860.242.999	12.574.313.849
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.325.401.691)	(7.818.617.858)
227	Tài sản cố định vô hình	6(b)	123.260.223	253.737.277
228	Nguyên giá		2.372.025.000	2.372.025.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.248.764.777)	(2.118.287.723)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	7	<b>2.873.442.685</b>	<b>3.142.997.532</b>
231	Nguyên giá		6.650.965.152	6.244.583.334
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.777.522.467)	(3.101.585.802)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>12.058.852.655</b>	<b>4.678.841.264</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	12.058.852.655	4.678.841.264
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.601.416.042</b>	<b>966.961.517</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn		3.601.416.042	966.961.517
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>780.441.554.284</b>	<b>772.781.642.332</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 01 – DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>274.124.906.325</b>	<b>267.689.952.558</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>256.576.954.417</b>	<b>247.471.000.650</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	9	11.276.713.959	1.470.678.847
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.803.817.945	1.421.909.045
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	10	9.954.716.624	3.550.536.117
314	Phải trả người lao động	11	4.907.267.925	9.330.370.773
316	Phải trả nội bộ ngắn hạn	24(b)	3.120.320.731	38.574.570.737
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	12	171.170.038.000	132.031.015.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	13(a)	54.344.079.233	57.204.843.210
320	Vay ngắn hạn	14(a)	-	3.144.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	743.076.921
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>17.547.951.908</b>	<b>20.218.951.908</b>
337	Phải trả dài hạn khác	13(b)	17.547.951.908	16.582.951.908
338	Vay dài hạn	14(b)	-	3.636.000.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>506.316.647.959</b>	<b>505.091.689.774</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>506.316.647.959</b>	<b>505.091.689.774</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	15, 16	503.100.000.000	503.100.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	15	503.100.000.000	503.100.000.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	16	1.991.689.774	1.991.689.774
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16	1.224.958.185	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của kỳ này		1.224.958.185	-
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>780.441.554.284</b>	<b>772.781.642.332</b>




Bùi Thị Thúy Quỳnh  
Người lập



Cao Văn Mót  
Kế toán trưởng



  
Đỗ Đình Dược  
Phó Tổng Giám đốc  
Ngày 10 tháng 4 năm 2017  
Chữ ký được ủy quyền

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 02 – DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 1.2.2016 đến ngày 31.12.2016 VND
01	Doanh thu	1.475.160.354.630
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	95.814.580.176
10	Doanh thu thuần	1.379.345.774.454
11	Giá vốn	1.310.780.949.925
20	Lợi nhuận gộp	68.564.824.529
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1.744.825.427
22	Chi phí tài chính	383.180.445
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	383.180.445
25	Chi phí bán hàng	62.591.645.871
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.881.781.961
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	15.546.958.321
31	Thu nhập khác	18.387.880.407
32	Chi phí khác	1.243.169.507
40	Lợi nhuận khác	17.144.710.900
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.597.752.579
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	372.794.394
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.224.958.185

Bùi Thị Thúy Quỳnh  
Người lập

Cao Văn Mót  
Kế toán trưởng



Đỗ Đình Dục  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 03 – DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
(phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 1.2.2016 đến ngày 31.12.2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.597.752.579</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:	
02	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	1.606.131.063
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(3.161.274.042)
06	Chi phí lãi vay	383.180.445
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>425.790.045</b>
09	Tăng các khoản phải thu	(8.353.793.376)
11	Tăng các khoản phải trả	13.739.889.359
12	Tăng chi phí trả trước	(2.558.469.289)
14	Tiền lãi vay đã trả	(383.180.445)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(743.076.921)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>2.127.159.373</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Chi để mua sắm tài sản cố định	(7.519.908.935)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	3.249.587.270
27	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.744.825.427
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(2.525.496.238)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
34	Chi trả nợ gốc vay	(6.780.000.000)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(6.780.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(7.178.336.865)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>3 191.467.765.692</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3 184.289.428.827</b>

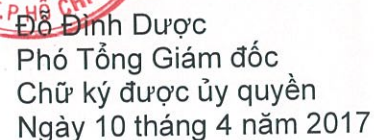


Bùi Thị Thúy Quỳnh  
Người lập



Cao Văn Mót  
Kế toán trưởng



  
Đỗ Đình Dược  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền  
Ngày 10 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA TRỤ SỞ CHÍNH  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 2 NĂM 2016 (NGÀY GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
DOANH NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ TRỤ SỞ CHÍNH**

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn) (gọi tắt là "Công ty") là một công ty được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 8 tháng 1 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301120371 thay đổi lần thứ 6 ngày 1 tháng 2 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 11 tháng 5 năm 2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 2477/UBCK-GSĐC về việc chấp thuận đăng ký công ty đại chúng của Công ty theo quy định của Luật chứng khoán, theo đó, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng vào ngày nêu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 1 Trụ sở chính và 9 đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:

**Đơn vị phụ thuộc**

Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn  
Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng  
Đoàn Tiếp viên Đường sắt Phương Nam  
CN Vận tải Đường sắt Sài Gòn  
CN Vận tải Đường sắt Sóng Thần  
CN Vận tải Đường sắt Bình Thuận  
CN Vận tải Đường sắt Nha Trang  
CN Vận tải Đường sắt Đà Nẵng  
CN Vận tải Đường sắt Miền Bắc

**Địa điểm đăng ký kinh doanh**

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận  
Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng  
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Hoạt động chính của Công ty và Trụ sở chính bao gồm:

- Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
- Đại lý và dịch vụ vận tải;
- Sửa chữa các phương tiện vận tải đường sắt;
- Chế tạo, sửa chữa các thiết bị phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất và kinh doanh hàng tiêu dùng, thực phẩm;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Trụ sở chính là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Trụ sở chính có 81 nhân viên ( ngày 1 tháng 2 năm 2016: 87 nhân viên).



## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **2.1 Cơ sở của việc lập các báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Đối với báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn năm tài chính đầu tiên của Trụ sở chính sau cổ phần hóa, Trụ sở chính sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại đầu ngày 1 tháng 2 năm 2016 (cuối ngày 31 tháng 1 năm 2016) là số liệu đã được kiểm toán, làm dữ liệu tương ứng (số đầu kỳ) trên bảng cân đối kế toán và chỉ trình bày số liệu của giai đoạn hiện tại đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Công ty đã được cổ phần hóa từ công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 8 tháng 1 năm 2015 của Bộ Giao thông Vận tải. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, hồ sơ quyết toán cổ phần hóa đã được trình Bộ Giao thông Vận tải để quyết toán và phê duyệt. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty đã được thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết để hồ sơ quyết toán được phê duyệt.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Các báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính này nên được đọc cùng với các báo cáo tài chính của toàn Công ty (bao gồm Trụ sở chính và 9 chi nhánh nêu trên) cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2016 (ngày Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và những thay đổi về tình hình tài chính của toàn Công ty.

### **2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty sau cổ phần hóa bắt đầu từ ngày 1 tháng 2 năm 2016 (ngày Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.



## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

### **2.5 Tài sản cố định**

Tài sản cố định (“TSCĐ”) của Trụ sở chính chủ yếu ở giai đoạn trước cổ phần hóa.

TSCĐ giai đoạn trước cổ phần hóa đã được định giá theo quy định và nguyên giá của TSCĐ thể hiện theo giá trị định giá (đối với các TSCĐ đã hết khấu hao tại thời điểm định giá, giá trị định giá lại không thấp hơn 20% nguyên giá ban đầu của tài sản đó).

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ. Các TSCĐ đã khấu hao hết và được định giá lại tại thời điểm định giá được tiếp tục khấu hao với thời gian hữu dụng ước tính từ 3 đến 5 năm tính từ ngày của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần.

Thời gian khấu hao của các TSCĐ giai đoạn trước cổ phần hóa như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 năm
Thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	3 – 5 năm
Thiết bị quản lý	3 – 4 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

#### *Thanh lý*

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.5 Tài sản cố định (tiếp theo)**

*Xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Trụ sở chính. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

### **2.6 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### **2.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) của Trụ sở chính chủ yếu ở giai đoạn trước cổ phần hóa.

BĐSDT giai đoạn trước cổ phần hóa đã được định giá theo quy định và nguyên giá của BĐSĐT thể hiện theo giá trị định giá (đối với các BĐSĐT đã hết khấu hao tại thời điểm định giá, giá trị định giá lại không thấp hơn 20% nguyên giá ban đầu của tài sản đó).

Thời gian khấu hao của các BĐSĐT giai đoạn trước cổ phần hóa như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc 3 – 18 năm

*Thanh lý*

Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **2.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.9 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

### **2.10 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **2.11 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Trụ sở chính đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Trụ sở chính trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Trụ sở chính chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Trụ sở chính đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng ("CMKTVN18"). Nếu Trụ sở chính tuân thủ CMKTVN18, mức tối thiểu của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được ước tính là 22.911.217.299 Đồng Việt Nam và các ảnh hưởng có liên quan sẽ được ghi nhận vào các báo cáo tài chính riêng phù hợp.

### **2.12 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả cho khoản doanh thu tương ứng với giá trị dịch vụ vận chuyển hành khách trong tương lai tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Trụ sở chính ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Trụ sở chính sẽ phải thực hiện trong tương lai.



## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu: phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Trục sở chính tại thời điểm báo cáo.

### **2.14 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Trục sở chính và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

### **2.15 Ghi nhận doanh thu**

#### **(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ (chủ yếu bao gồm doanh thu các hoạt động vận tải) được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Trục sở chính khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

### **2.16 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu chủ yếu là vé đã bán cho dịch vụ vận chuyển hành khách, hành lý và hàng hóa bị hoàn trả. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ sử dụng dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

### **2.17 Giá vốn**

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.



## **2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2.18 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay.

### **2.19 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, hàng hóa chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên và khấu hao tài sản.

### **2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Trụ sở chính chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

### **2.21 Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**2.22 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Trụ sở chính, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Trụ sở chính, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Trụ sở chính mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Trụ sở chính, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc của Trụ sở chính, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, Trụ sở chính căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	485.880.614	304.514.214
Tiền gửi ngân hàng	182.586.140.213	188.672.119.578
Tiền đang chuyển	1.217.408.000	2.491.131.900
	<u>184.289.428.827</u>	<u>191.467.765.692</u>

**4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Dịch vụ Thiên Ký	17.820.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công trình Hà Nội	1.717.050.000	1.717.050.000
Khác	249.513.183	303.888.183
	<u>19.786.563.183</u>	<u>2.020.938.183</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	985.647.190	5.330.490.708
	<u>20.772.210.373</u>	<u>7.351.428.891</u>



**5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số đầu kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Bên thứ ba	1.389.938.474	1.788.833.350
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	59.676.985.880	95.708.405.023
	<u>61.066.924.354</u>	<u>97.497.238.373</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 2 năm 2016, Trụ sở chính không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.



**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 2 năm 2016	3.143.127.482	401.222.590	5.156.088.121 (714.070.850)	3.873.875.656	12.574.313.849 (714.070.850)
Chuyển sang các chi nhánh	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.143.127.482	401.222.590	4.442.017.271	3.873.875.656	11.860.242.999
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 2 năm 2016	2.443.343.524	304.175.060	2.333.583.580	2.737.515.694	7.818.617.858
Khấu hao trong kỳ	80.835.275	29.653.404	590.821.115 (583.157.860)	362.555.732	1.063.865.526 (583.157.860)
Chuyển sang các chi nhánh	-	-	-	-	26.076.167
Khác	26.076.167	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.550.254.966	333.828.464	2.341.246.835	3.100.071.426	8.325.401.691
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 2 năm 2016	699.783.958	97.047.530	2.822.504.541	1.136.359.962	4.755.695.991
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	592.872.516	67.394.126	2.100.770.436	773.804.230	3.534.841.308

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.023.236.573 đồng (tại ngày 1.2.2016: 1.023.236.573 đồng).

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 2 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.372.025.000
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 2 năm 2016	2.118.287.723
Hao mòn trong kỳ	130.477.054
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.248.764.777
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 2 năm 2016	253.737.277
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	123.260.223
Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.935.625.000 đồng (tại ngày 1.2.2016: 1.935.625.000 đồng).	

**7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 2 năm 2016	6.244.583.334
Chuyển từ các chi nhánh	406.381.818
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	6.650.965.152
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 2 năm 2016	3.101.585.802
Khấu hao trong kỳ	411.788.483
Chuyển từ các chi nhánh	264.148.182
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.777.522.467
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 2 năm 2016	3.142.997.532
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.873.442.685



**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

Các công trình xây dựng dở dang cơ bản như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí hoán cải toa xe	9.080.000.000	-
Lò xo cao su Tháp Chàm	2.314.728.639	2.314.728.639
Ram tàu SE7/8	-	1.639.988.609
Các công trình khác	664.124.016	724.124.016
	<u>12.058.852.655</u>	<u>4.678.841.264</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	2016 VND
Số dư đầu kỳ	4.678.841.264
Tăng trong kỳ	7.519.908.935
Kết chuyển từ các chi nhánh	1.104.745.455
Giảm khác	1.244.642.999
Số dư cuối kỳ	<u>12.058.852.655</u>

**9 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Kỹ thuật - Dịch vụ STD&T	9.988.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hưng Phú	139.324.657	148.087.877
Công ty TNHH Kế Toán và Tài Chính Chuẩn Việt	112.000.000	166.192.328
Công ty TNHH Posbee Sài Gòn	-	451.374.000
Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ và Viễn thông VNPT	-	296.064.450
Khác	939.914.603	408.960.192
	<u>11.179.239.260</u>	<u>1.470.678.847</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	97.474.699	-
	<u>11.276.713.959</u>	<u>1.470.678.847</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 2 năm 2016, Công ty không có số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn quá hạn thanh toán và Công ty có khả năng thanh toán khi đến hạn.

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Lệ phí cơ sở hạ tầng đường sắt và các phí khác	7.989.469.425	1.369.379.590
Thuế GTGT phải nộp	1.965.247.199	1.240.527.268
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	-	940.629.259
	<u>9.954.716.624</u>	<u>3.550.536.117</u>



**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)**

Tình hình biến động trong kỳ của thuế và các khoản khác phải nộp/phải thu ngân sách Nhà nước như sau:

	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Lệ phí cơ sở hạ tầng đường sắt và các phí khác	4.422.596.764	1.369.379.590	102.665.207.350	91.622.520.751	-	7.989.469.425
Thuế GTGT phải nộp	-	1.240.527.268	4.378.042.897	3.653.322.966	-	1.965.247.199
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.930.890.324	940.629.259	372.794.394	50.464.398	667.931.069	-
Thuế thu nhập cá nhân	141.094.369	-	389.177.703	2.076.444.706	1.828.361.372	-
Tiền thuế đất	-	-	1.829.712.864	1.829.712.864	-	-
	<u>6.494.581.457</u>	<u>3.550.536.117</u>	<u>109.634.935.208</u>	<u>99.232.465.685</u>	<u>2.496.292.441</u>	<u>9.954.716.624</u>

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**11 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Số dư bao gồm các khoản tiền lương, tiền công và thưởng chưa chi trả từ quỹ lương thực hiện.

**12 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền thu bán vé chưa thực hiện vận chuyển	171.170.038.000	132.031.015.000

**13 PHẢI TRẢ KHÁC**

**(a) Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Bên thứ ba		
Tiền thuê đất 136 Hàm Nghi	8.097.254.880	-
Quỹ dự phòng tổn thất	744.647.605	1.040.164.200
Thuế TNCN phải trả	296.869.334	-
Bảo hiểm hành khách	115.239.250	279.278.500
Khác	1.957.850.200	814.771.555
	<u>11.211.861.269</u>	<u>2.134.214.255</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	43.132.217.964	55.070.628.955
	<u>54.344.079.233</u>	<u>57.204.843.210</u>

**(b) Dài hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Bên liên quan (Thuyết minh 24(b))	15.754.951.908	15.754.951.908
Nhận ký quỹ, ký cược	1.793.000.000	828.000.000
	<u>17.547.951.908</u>	<u>16.582.951.908</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 2 năm 2016, Công ty không có bất kỳ khoản phải trả khác nào bị quá hạn.



**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**14 CÁC KHOẢN VAY**

	Tại ngày 1.2.2016 VND	Trả nợ gốc trong kỳ VND	Tại ngày 31.12.2016 VND
<b>(a) Vay ngắn hạn</b>			
- Vay ngân hàng (*)	3.144.000.000	3.144.000.000	-
<b>(b) Vay dài hạn</b>			
- Vay ngân hàng (*)	3.636.000.000	3.636.000.000	-

(\*) Vay ngân hàng thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank") theo hai hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 09ANHPV1201/HĐTD ngày 9 tháng 9 năm 2009 với gốc vay ban đầu là 17.000.000.000 đồng có kỳ hạn vay 84 tháng cho dự án nâng cấp toa xe của Công ty. Khoản vay chịu lãi suất trong kỳ là 8%/năm và thay đổi từng thời kỳ theo thông báo của Vietinbank. Khoản vay được đảm bảo bằng cách duy trì số dư tối thiểu 8.200.000.000 đồng trong tài khoản tiền gửi VND không kỳ hạn của Trụ sở chính tại Vietinbank. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Trụ sở chính đã hoàn trả toàn bộ và tắt toán hợp đồng này.
- Hợp đồng tín dụng số 12THUANNT/HĐTD ngày 30 tháng 8 năm 2012 với gốc vay ban đầu là 9.460.000.000 đồng có kỳ hạn vay 84 tháng cho mục đích đầu tư dự án "Cải tạo, nâng cấp toa xe khách ram tàu SE 1/2" của Công ty. Khoản vay chịu lãi suất trong kỳ là 8%/năm và thay đổi từng thời kỳ theo thông báo của Vietinbank. Khoản vay được đảm bảo bằng cách duy trì số dư tối thiểu 10.000.000.000 đồng trong tài khoản tiền gửi VND không kỳ hạn của Trụ sở chính tại Vietinbank. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Trụ sở chính đã hoàn trả toàn bộ và tắt toán hợp đồng này.

**15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu phổ thông	Số đầu kỳ Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	50.310.000	50.310.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	50.310.000	50.310.000

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	39.464.708	78,44	39.464.708	78,44
Phần vốn của các cổ đông khác	10.845.292	21,56	10.845.292	21,56
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>50.310.000</u>	<u>100,00</u>	<u>50.310.000</u>	<u>100,00</u>

**(c) Tình hình biến động vốn cổ phần**

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 2 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2016	<u>50.310.000</u>	<u>503.100.000.000</u>	<u>503.100.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

**16 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu (*) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 2 năm 2016	503.100.000.000	1.991.689.774	-	<b>505.091.689.774</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.224.958.185	<b>1.224.958.185</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>503.100.000.000</u>	<u>1.991.689.774</u>	<u>1.224.958.185</u>	<u><b>506.316.647.959</b></u>

(\*) Vốn khác của chủ sở hữu thể hiện phần vốn chênh lệch giữa vốn góp của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam tại Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301120371 thay đổi lần thứ 6 ngày 1 tháng 2 năm 2016. Phần vốn này sẽ được điều chuyển theo quyết định của Bộ Giao thông Vận tải sau khi hoàn thành quyết toán cổ phần hóa.



**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**17 DOANH THU**

Giai đoạn từ ngày 1.2.2016  
đến ngày 31.12.2016  
VND

**Doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.475.160.354.630

**Các khoản giảm trừ**

Vé trả lại

95.814.580.176

**Doanh thu thuần**

Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ

1.379.345.774.454

**18 GIÁ VỐN**

Giai đoạn từ ngày 1.2.2016  
đến ngày 31.12.2016  
VND

Giá vốn của dịch vụ cung cấp

1.310.780.949.925

**19 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

Giai đoạn từ ngày 1.2.2016  
đến ngày 31.12.2016  
VND

Chi phí nhân viên

32.977.469.263

Chi phí nhiên liệu, vật liệu

6.304.195.518

Chi phí khấu hao

4.141.493.556

Chi phí dịch vụ mua ngoài

10.466.058.870

Chi phí khác bằng tiền

8.702.428.664

62.591.645.871

**20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Giai đoạn từ ngày 1.2.2016  
đến ngày 31.12.2016  
VND

Chi phí nhân viên

9.644.442.148

Chi phí thuê văn phòng

1.813.180.424

Chi phí khấu hao

1.606.131.063

Chi phí dụng cụ văn phòng

996.795.841

Chi phí dịch vụ mua ngoài

3.350.874.644

Chi phí khác bằng tiền

5.470.357.841

22.881.781.961

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**21 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

Giai đoạn từ ngày 1.2.2016  
đến ngày 31.12.2016  
VND

**Thu nhập khác**

Phí thu trả lại vé	8.815.402.000
Lãi do thanh lý tài sản (*)	1.416.448.615
Chuyển giao hệ thống xử lý nước thải tại Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	1.106.956.127
Thu nhập chuyển tải hộ	3.392.630.342
Khác	3.656.443.323
	<hr/>
	18.387.880.407

**Chi phí khác**

Chuyển giao hệ thống xử lý nước thải tại Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	1.106.956.127
Khác	136.213.380
	<hr/>
	1.243.169.507

**Lợi nhuận khác**

---

---

17.144.710.900

(\*) Khoản lãi từ thanh lý tài sản được xác định bằng phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (được ghi nhận ở Trụ sở chính) so với giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý (được ghi nhận ở các chi nhánh và kết chuyển về Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016).



**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**22 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Công ty kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Trụ sở chính của Công ty. Toàn bộ số thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được ghi nhận trên sổ sách của Trụ sở chính.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	<b>Giai đoạn từ ngày 1.2.2016 đến ngày 31.12.2016 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.597.752.579
Thuế tính ở thuế suất 20%	319.550.516
Điều chỉnh: Chi phí không được khấu trừ	53.243.878
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>372.794.394</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:	
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành (*)	372.794.394
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-
	<u><u>372.794.394</u></u>

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2016 (ngày Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**23 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Số cuối kì VND</b>
Chi phí nhân công	185.200.320.773
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	111.151.691.268
Chi phí khấu hao TSCĐ và BĐSĐT tại Trụ sở chính	1.606.131.063
Chi phí khấu hao TSCĐ và BĐSĐT chuyển từ các chi nhánh	61.542.898.463
Dịch vụ mua ngoài	884.844.832.770
Các chi phí khác bằng tiền	151.908.503.420
	<u><u>1.396.254.377.757</u></u>

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**24 THUYẾT MINH VỀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (“Tổng Công ty”) do chiếm 78,44% vốn điều lệ của Công ty.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 1.2.2016 đến ngày 31.12.2016 VND</b>
<b>i) Doanh thu</b>			
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	Công ty thuộc Tổng Công ty	Doanh thu đại lý bán vé hộ Doanh thu hoa hồng đại lý bán vé Doanh thu sản phẩm tác nghiệp	75.221.047.000 4.683.570.448 81.313.194.554
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	Công ty thuộc Tổng Công ty	Chi phí hoa hồng bán vé Phí dịch vụ phải trả cho các đối tác thu hộ Chi phí sản phẩm tác nghiệp	3.660.522.251 2.496.766.000 98.774.391.749



**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**24 THUYẾT MINH VỀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giai đoạn từ ngày 1.2.2016 đến ngày 31.12.2016 VND
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ (tiếp theo)</b>			
Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	Công ty thuộc Tổng Công ty	Thi công dự án cải tạo toa xe SE7/8 Thi công lắp đặt hệ thống vệ sinh toa xe	11.170.909.091 1.951.543.370
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ của Công ty	Phí điều hành giao thông Thuê phần mềm bán vé Phí tư vấn quản lý dự án	709.407.952.000 9.148.086.583 565.441.736
<b>iii) Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt</b>			
Lương và các quyền lợi gộp khác			3.359.281.191

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**24 THUYẾT MINH VỀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 4)</i></b>		
Các công ty khác thuộc Tổng Công ty	985.647.190	5.330.490.708
<b><i>Phải thu nội bộ ngắn hạn</i></b>		
Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn	46.593.764.583	10.600.783.376
Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng	13.014.438.293	-
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Miền Bắc	4.661.143.491	1.950.044.508
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sài Gòn	3.293.193.975	1.027.565.119
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Nha Trang	3.256.864.887	1.389.357.298
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sóng Thần	3.100.004.018	3.890.220.045
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Bình Thuận	2.751.850.909	2.003.137.680
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đà Nẵng	946.230.856	293.032.700
	<u>77.617.491.012</u>	<u>21.154.140.726</u>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 5)</i></b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	41.164.364.302	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	12.817.520.692	88.528.091.039
Các công ty khác thuộc Tổng Công ty	5.695.100.886	7.180.313.984
	<u>59.676.985.880</u>	<u>95.708.405.023</u>
<b><i>Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc</i></b>		
Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn	310.019.509.065	311.136.426.007
Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng	51.140.141.783	61.919.036.015
Đoàn Tiếp viên Đường sắt Phương Nam	3.057.249.175	2.550.768.906
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Miền Bắc	640.242.723	838.325.967
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sài Gòn	1.206.484.530	1.576.553.856
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Nha Trang	2.309.344.573	2.732.561.525
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sóng Thần	4.582.731.163	5.151.985.244
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Bình Thuận	3.916.851.409	2.012.297.025
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đà Nẵng	20.861.255.404	23.439.664.347
	<u>397.733.809.825</u>	<u>411.357.618.892</u>



**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**24 THUYẾT MINH VỀ NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b><i>Phải thu nội bộ dài hạn</i></b>		
Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn	1.989.600.000	2.569.245.478
Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng	12.085.782.330	-
	<u>14.075.382.330</u>	<u>2.569.245.478</u>
<b><i>Phải trả nội bộ ngắn hạn</i></b>		
Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn	-	30.650.206.447
Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng	-	2.417.105.865
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sài Gòn	179.579.468	-
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sóng Thần	-	958.437.557
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đà Nẵng	-	1.421.827.161
Đoàn Tiếp viên Đường sắt Phương Nam	2.940.741.263	3.126.993.707
	<u>3.120.320.731</u>	<u>38.574.570.737</u>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 9)</i></b>		
Các công ty khác thuộc Tổng Công ty	97.474.699	-
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 13(a))</i></b>		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	43.020.035.550	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	-	55.070.628.955
Các công ty khác thuộc Tổng Công ty	112.182.414	-
	<u>43.132.217.964</u>	<u>55.070.628.955</u>
<b><i>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 13(b))</i></b>		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	15.754.951.908	15.754.951.908

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**25 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Theo Quyết định số 45/QĐ-CT-XP ngày 9 tháng 1 năm 2017 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về xử lý kết quả thanh tra thuế cho các năm 2013, 2014 và 2015, Công ty phát sinh nghĩa vụ nộp bổ sung khoản tiền là 3.550.536.117 đồng mà Công ty đã nộp số tiền này trong tháng 1 năm 2017.

Theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, khoản tiền trên được xem như nghĩa vụ của Công ty trong giai đoạn trước khi chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, và sẽ được bổ sung trong hồ sơ quyết toán công tác cổ phần hóa với Tổng Công ty và Bộ Giao thông Vận tải. Theo đó, Trụ sở chính đã ghi nhận khoản tiền này là một khoản phải thu cổ phần hóa trong số đầu kỳ của các báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngoài ra, một vài số liệu so sánh đầu kỳ đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ này như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

Mã số	Chỉ tiêu	Số đầu kỳ		
		Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh/ Phân loại lại VND	Số liệu trình bày lại VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>341.506.008.264</b>	<b>3.550.536.117</b>	<b>345.056.544.381</b>
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>122.452.271.873</b>	<b>3.550.536.117</b>	<b>126.002.807.990</b>
131	Phải thu ngắn hạn khách hàng	7.780.720.345	(7.780.720.345)	-
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	17.952.212.267	(10.600.783.376)	7.351.428.891
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn	78.929.237.352	(57.775.096.626)	21.154.140.726
136	Phải thu ngắn hạn khác	17.790.101.909	79.707.136.464	97.497.238.373
221	Tài sản cố định hữu hình	7.898.693.523	(3.142.997.532)	4.755.695.991
222	- Nguyên giá	18.818.897.183	(6.244.583.334)	12.574.313.849
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(10.920.203.660)	3.101.585.802	(7.818.617.858)
230	Bất động sản đầu tư	-	3.142.997.532	3.142.997.532
231	- Nguyên giá	-	6.244.583.334	6.244.583.334
232	- Giá trị hao mòn lũy kế	-	(3.101.585.802)	(3.101.585.802)
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>264.139.416.441</b>	<b>3.550.536.117</b>	<b>267.689.952.558</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>244.520.464.533</b>	<b>2.950.536.117</b>	<b>247.471.000.650</b>
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	-	3.550.536.117	3.550.536.117
320	Vay ngắn hạn	3.744.000.000	(600.000.000)	3.144.000.000
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>19.618.951.908</b>	<b>600.000.000</b>	<b>20.218.951.908</b>
335	Phải trả nội bộ dài hạn	15.754.951.908	(15.754.951.908)	-
337	Phải trả dài hạn khác	828.000.000	15.754.951.908	16.582.951.908
338	Vay dài hạn	3.036.000.000	600.000.000	3.636.000.000



**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
(trước đây là Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn)

Mẫu số B 09 – DN

**26 NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty đã ban hành Công văn số 1945/VTSG-AT-BVANQP ngày 20 tháng 12 năm 2016 để phúc đáp lại Văn bản số 3682/ĐS-TCKT của Tổng Công ty về những vướng mắc liên quan đến chi phí bồi thường thiệt hại các vụ tai nạn tàu phát sinh trong năm 2015 và năm 2014 với tổng giá trị là 14.641.517.000 đồng. Tại ngày lập và phát hành các báo cáo tài chính riêng này, Công ty và Tổng Công ty vẫn chưa thống nhất phân khai bồi thường thiệt hại với đơn vị liên quan và vẫn đang làm việc với các đơn vị có thẩm quyền liên quan về kết quả phân tích nguyên nhân gây tai nạn tàu và vẫn chưa xác định được việc Công ty có phải trả hay không trả và số tiền phải trả, nếu có, cho Tổng Công ty là bao nhiêu.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không ghi nhận khoản chi phí bồi thường trên trong của Công ty cũng như Báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2016 (ngày Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 này.

Các báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 10 tháng 4 năm 2017.



Bùi Thị Thúy Quỳnh  
Người lập



Cao Văn Mót  
Kế toán trưởng



Đỗ Đình Dục  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số: **474**/UQ-VTSG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **10** tháng 4 năm 2017

## **GIẤY ỦY QUYỀN**

### **BÊN ỦY QUYỀN:**

Ông: **ĐÀO ANH TUẤN**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Là người đại diện theo pháp luật của **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Mã số doanh nghiệp: 0301120371 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 01/02/2016.

Địa chỉ: Số 136 Hàm Nghi, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### **BÊN NHẬN ỦY QUYỀN**

Ông: **ĐỖ ĐÌNH DUYỆC**

CMND: Số 023830289 do Công an TP. HCM cấp ngày 11/08/2000

Địa chỉ: Số 106/3A Lý Thường Kiệt, P.7, Q. Gò Vấp, TP.HCM

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn

### **NỘI DUNG ỦY QUYỀN**

Bằng văn bản này, tôi ủy quyền cho ông Đỗ Đình Duyệt được thay tôi ký Báo cáo Tài chính riêng năm 2016 của trụ sở chính Công ty Cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn, do Công ty kiểm toán PWC lập.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành của Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đường sắt Sài Gòn và Pháp luật./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Bên ủy quyền)



**Đào Anh Tuấn**